TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T- TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2025

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh N

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn N;

2. Bà Đoàn Thị T.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị P - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*: Bà Vương Thị D - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/DSST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST - HNGĐ ngày 11tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hiền T, sinh năm 2001.Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành D, sinh năm 1997. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/4/2021.

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã A1, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Đ: Anh Nguyễn Thành D và chị Nguyễn Thị Hiền T là bố mẹ đẻ của cháu.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ:Thôn A, xã A1, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền T bày:

Chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Nguyễn Thành D có đăng ký kết hôn tại UBND xã A1, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 26/9/2020 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sống không mấy hạnh phúc. Anh D không chia sẻ công việc với chị T và không chăm lo cho gia đình, không chuyên tâm làm ăn. Anh D luôn bảo thủ quan điểm của mình và cho rằng đó là quan điểm đúng đắn buộc chị T phải nghe theo mà không bàn bạc với chị T. Anh D thường xuyên gây sự và tạo áp lực đối với chị. Khi chị đi làm công ty anh D cũng gọi điện và đến làm phiền, bắt chị phải theo ý anh D. Chị T và gia đình đã đóng góp và khuyên bảo anh D nhiều lần để vợ chồng có thể hòa hợp, bảo ban nhau làm ăn nhưng anh D không nghe mà anh D còn cho rằng chị T và gia đình can thiệp vào việc riêng tư của anh D nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Có lần do không kiểm soát được nóng giận nên anh D đã chửi bới và đánh chị T. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Chị T đã chuyển ra ngoài sống từ tháng 12/2024. Anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, cả hai đều không mang lại hạnh phúc cho nhau, không tìm được tiếng nói chung.

Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/4/2021. Hiện nay cháu Đ đang ở với T. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập anh Nguyễn Thành D đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai nhưng anh D đều vắng mặt. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình anh D để thu thập chứng cứ, xác định quan điểm của anh D về việc chị T yêu cầu ly hôn với anhnhưng anh đều không phối hợp làm việc với Tòa án. Ngày 27/3/2025, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã tới gia đình anh D để làm việc với anh D về việc chị T yêu cầu ly hôn với anh: Anh D xác định: Về quan hệ hôn nhân: Trong cuộc sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh D không còn tình cảm với chị T, anh chị đã ly thân nên không quan tâm tới nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì chị T tự ký, tự khai với Tòa án, không liên quan đến anh. Anh D thể hiện sẽ không lên làm việc với Tòa án hay ký vào bất kỳ văn bản nào, Anh cũng không tha thiết với cuộc hôn nhân không có hạnh phúc này; Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/4/2025. Chị T muốn ly hôn thì chị T tự quyết định về con. Anh D thể hiện quan điểm của anh như vậy nhưng anh không có trách nhiệm ký vào biên bản. Tòa án cứ làm việc và giải quyết vụ án

theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại các buổi làm việc khác khi Tòa án tới giao văn bản anh D nghe nội dung văn bản rồi bỏ đi không làm việc với Tòa án, khi anh D không có nhà thì Tòa án đã cùng địa phương tiến hành niêm yết các văn bản theo đúng quy định của pháp luật.

*Xác minh tại UBND xã A1, huyện T, tỉnh Hưng Yên thể hiện:*Chị T và anh D có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã A1, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 25/2020 ngày 26/9/2020.Theo Ủy ban nhân dân xã cung cấp: Vợ chồng chị T anh D sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn, có xảy ra tranh cãi, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc nhau nên hôn nhân không có hạnh phúc. Chị T và anh D đã sống ly thân từ, không ai quan tâm đến ai, anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Anh D biết việc chị T yêu cầu ly hôn với anh qua việc địa phương cùng cán bộ Tòa án đến làm việc tại gia đình anh và niêm yết văn bản theo quy định của pháp luật. Nay chị Nguyễn Thị Hiền T có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Thành D, quan điểm của UBND xã A1, huyện T là đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của anh Nguyễn Thành D trình bày: Chị T và anh D tự nguyện kết hôn. Trong cuộc sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Tết Nguyên Đán năm 2025 anh chị lại xảy ra mâu thuẫn và không tự hòa giải được với nhau nên chị T có xin phép ông cho con về ngoại với lý do mâu thuẫn vợ chồng. Ông cũng đồng ý và khuyên bảo chị T. Chị T và anh D đã sống ly thân. Quan điểm của ông T: Chị T kiên quyết ly hôn với anh D thì hôn nhân của anh chị do anh chị quyết định. Ông T có đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Hải Đ cho anh D nuôi dưỡng.

Tại phiên họp kiểm tra việc gia nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/4/2025. Bị đơn anh Nguyễn Thành D vắng mặt không có lý do. Chị T đã có đơn từ chối hòa giải. Với lý do, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh D không phối hợp làm việc và thường xuyên vắng mặt tại Tòa án.

Ngày 11/6/2025, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành đưa ra xét xử vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tại phiên toà hôm nay: Chị Nguyễn Thị Hiền Tcó đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, chịvẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh D. Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/4/2021. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.Anh chị không có tài sản chung.

Bị đơn anh Nguyễn Thành D đượcTòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do

Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hiền T. Xử cho chị Nguyễn Thị Hiền T được ly hôn với anh Nguyễn Thành D.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/4/2021. Hiện cháu Đ đang ở với chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung: Anh chị không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hiền T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thành D có nơi cư trú tại xã A1, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền Tcó đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử. Anh D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 11/6/2025 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST - HNGĐ ngày 11/6/2025 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 27/6/2025. Anh D đã được Toà án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án xét xử vắng mặt chị T, anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227;khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Nguyễn Thành D có đăng ký kết hôn tại UBND xã A1, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 25/2021 ngày 26/9/2020trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị sống không mấy hạnh phúc. Anh D không chia sẻ công việc với chị T và không chăm lo cho gia đình. Anh D thường xuyên gây sự và tạo áp lực đối với chị T, anh D gọi điện và đến làm phiền chị T trong khi chị T đi làm, bắt chị phải theo ý anh. Anh D không nghe sự khuyên bảo của gia đình nên anh chị không thể hòa hợp, không bảo ban nhau làm ăn.Anh D còn cho rằng chị T và gia đình can thiệp vào việc riêng tư của anh D nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Có lần anh D đã chửi bới và đánh chị T. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Anh chị sống ly thân từ tháng 12/2024, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, cả hai đều không mang lại hạnh phúc cho nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến nay chị T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh D.

Sau khi anh D biết thông tin chị T yêu cầu ly hôn với anh qua các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án niêm yết tại địa phương và gia đình cũng như các lần làm việc với Tòa án và chính quyền địa phương. Anh D thể hiện quan điểm không còn tình cảm và xác định vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh chị có sống với nhau cũng không có hạnh phúc nhưng anh không ký vào các biên bản của Tòa án mà đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành hòa giải để cho anh D có cơ hội đoàn tụ gia đình với chị T, anh D không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và đều vắng mặt không có lý do.Cùng với sự trình bày của những người làm chứng là ông Nguyễn Văn T thể hiện chị T và anh D có xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân.Quá trình điều tra thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, anh D đều không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, không phối hợp làm việc với Tòa án khi Tòa án cùng chính quyền địa phương tới nhà. Điều này thể hiện anh D không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với chị T. Chị T vẫn giữ quan điểm kiên quyết xin ly hôn với anh D.

Từ những căn cứ trên, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tcũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật HNGĐ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/4/2021. Hiện cháu Đ đang ở với chị T.

Xét đề nghị của chị T cũng như quan điểm của của anh D: Chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ. Quan điểm của anh D, chị T yêu cầu ly hôn thì chị T tự quyết định về con. Do vậy, HĐXX sẽ giao cháu Nguyễn Hải Đ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T tự nguyện không yêu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện này của chị T. Anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Chị T và anh D đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hiền T**.**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị Hiền T được ly hôn với anh Nguyễn Thàng D.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Hiền T và anh Nguyễn Thàn D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/4/2021.

Giao cháu Nguyễn Hải Đ cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Chị T và anh D đều xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/24 số 0001116ngày 14/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã A1 (CNKH số 25/2020);
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh N